

Số: /TB-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong toàn Trường.

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-ĐHHHVN ngày 01/10/2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường;

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM BAN HÀNH
Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025

1. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC TUYỂN SINH

- Thời gian tuyển sinh: từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2025 (tuyển sinh nhiều lần trong năm).

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển, bao gồm đánh giá hồ sơ dự tuyển và đề cương nghiên cứu.

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Hình thức đào tạo:** Đào tạo chính quy.

- **Thời gian đào tạo:** Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ là 03 năm đối với nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam, 04 năm đối với nghiên cứu sinh có trình độ đại học.

3. NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

| TT | Ngành/Chuyên ngành đào tạo | Mã số | Dự kiến chỉ tiêu |
|-----|--|----------------|------------------|
| 1 | Kỹ thuật cơ khí động lực, gồm các chuyên ngành: | 9520116 | 10 |
| 1.1 | - Khai thác, bảo trì tàu thủy | - | 04 |
| 1.2 | - Máy và thiết bị tàu thủy | - | 03 |
| 1.3 | - Kỹ thuật tàu thủy | - | 03 |
| 2 | Tổ chức và Quản lý vận tải | 9840103 | 05 |

| TT | Ngành/Chuyên ngành đào tạo | Mã số | Dự kiến chỉ tiêu |
|----|------------------------------------|---------|------------------|
| 3 | Khoa học hàng hải | 9840106 | 05 |
| 4 | Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa | 9520216 | 04 |
| 5 | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy | 9580202 | 03 |
| 6 | Quản lý kinh tế | 9310110 | 15 |
| | Tổng cộng: | | 42 |

4. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

4.1. Về văn bằng

Người dự tuyển nghiên cứu sinh phải thỏa mãn các điều kiện sau đây về văn bằng: Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

(Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường đi kèm thông báo này)

4.2. Về đề cương nghiên cứu

a) Trình bày rõ ràng về đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, về lý do lựa chọn đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được.

b) Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo.

c) Kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cùng như sự chuẩn bị của thí sinh về đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu.

d) Đề xuất người hướng dẫn (NHD) trên cơ sở có sự đồng thuận bằng văn bản của người được đề xuất.

(Danh mục hướng nghiên cứu và Danh sách các nhà khoa học hướng dẫn NCS của các ngành và chuyên ngành đi kèm thông báo này)

4.3. Về kinh nghiệm nghiên cứu

Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

4.4. Về thư giới thiệu

Người dự tuyển nghiên cứu sinh phải có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

Lưu ý: Thư giới thiệu phải có đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển.

4.5. Về trình độ ngoại ngữ

Người dự tuyển nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4.6. Về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác

Không yêu cầu người dự tuyển nghiên cứu sinh về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác.

5. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Bộ hồ sơ dự tuyển gồm có:

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu quy định);
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn 06 tháng của cơ quan quản lý nhân sự hoặc của xã/phường/thị trấn nơi cư trú (đối với người chưa có việc làm). Sơ yếu lý lịch phải dán ảnh của người đăng ký dự tuyển và đóng dấu giáp lai;
3. Lý lịch khoa học (theo mẫu);
4. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức, trong đó cam kết tạo mọi điều kiện để người dự tuyển thực hiện các yêu cầu về thời gian và hình thức đào tạo (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
5. Bản sao có công chứng văn bằng, bằng điểm đại học; bằng, bằng điểm thạc sĩ kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);
6. Đề cương nghiên cứu (theo mẫu) (08 bản);

7. Thư giới thiệu;
8. Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ xác nhận trình độ ngoại ngữ;
9. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại mục 4.3;
10. Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế;
11. Bản sao giấy khai sinh (có công chứng);
12. 02 (hai) ảnh chân dung mới chụp cỡ 4x6 (ghi rõ họ và tên và ngày tháng năm sinh ở mặt sau); 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ của người nhận trên phong bì (để gửi giấy triệu tập nhập học trong trường hợp trúng tuyển).

6. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ, XÉT TUYỂN VÀ LỆ PHÍ

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ 01/01/2025 tại Viện Đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ dự tuyển: từ ngày 06/01/2025.
- Lệ phí dự tuyển theo Quy định về mức thu lệ phí tuyển sinh của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
- Địa điểm nhận hồ sơ: Viện Đào tạo Sau đại học, P.203, Nhà A6.
- Thời gian xét tuyển cụ thể sẽ được thông báo trên trang Web của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và Viện Đào tạo Sau đại học.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ: Viện Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, số 484 Lạch Tray - Kênh Dương - Lê Chân - Hải Phòng. Điện thoại: 0225.3735879; E-mail: sdh@vimaru.edu.vn Website <http://sdh.vimaru.edu.vn/> hoặc quét mã **QR code** cuối trang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Lưu: VT, Viện ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Xuân Dương

PHỤ LỤC**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHHHVN ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

| Stt | Ngôn ngữ | Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận | Trình độ/Thang điểm |
|------------|------------------------------------|--|---|
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | Từ 46 trở lên |
| | | IELTS | Từ 5.5 trở lên |
| | | Cambridge Assessment English | B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas | TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe -Institut | Goethe- Zertifikat B2 trở lên |
| | | The German TestDaF language certificate | TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 4 trở lên |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N3 trở lên |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-2 trở lên |
| 7 | Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác | Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam | Từ bậc 4 trở lên |